

BẢN SAO

**TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	- 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng-Công ty TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch Hội đồng thành viên đến ngày 13/10/2013
Ông Vũ Tiến Giao	Quyền Chủ tịch Hội đồng thành viên từ ngày 14/10/2013
	Chủ tịch Hội đồng thành viên từ ngày 14/04/2014
Ông Nguyễn Văn Vũ	Ủy viên
Bà Võ Thị Tuyết Hoa	Ủy viên
Ông Ứng Tiến Đỗ	Ủy viên
Ông Trần Minh Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Tiến Giao	Tổng Giám đốc đến ngày 13/04/2014
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc từ ngày 14/04/2014
Ông Vũ Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Xuân Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Minh	Phó Tổng Giám đốc

Đến ngày của báo cáo này, Tổng Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Theo đó, ông Vũ Tiến Giao vẫn là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. *su*

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



su **Vũ Tiến Giao**
Tổng Giám đốc

su Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2014

Số: 102/2014/BCTC-VA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng-Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng-Công ty TNHH MTV (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 22/05/2014, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty được hợp nhất từ các báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã được kiểm toán của các công ty con, vì vậy báo cáo tài chính hợp nhất chịu ảnh hưởng bởi các hạn chế phạm vi kiểm toán được nêu trong các báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của các công ty con này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại thuyết minh số 4.2 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Công ty mẹ Tổng Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty chưa được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.
2. Do được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên của Công ty mẹ Tổng Công ty sau ngày 31/12/2013 nên chúng tôi không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chúng tôi đã không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê toàn bộ công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Licogi 15 tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác nhận các số dư này được trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản cố định" với số tiền 25.321.284.950 VND và tại chỉ tiêu "Hàng tồn kho" với số tiền 273.483.954.407 VND tại ngày 31/12/2013 trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.
3. Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.5 và 4.16 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2013, Công ty mẹ Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Licogi 15 chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ của một số khoản công nợ phải thu, phải trả được trình bày tại các chỉ tiêu "Các khoản phải thu", "Tài sản ngắn hạn khác" và "Nợ phải trả" tại ngày 31/12/2013 trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác nhận các số dư này.
4. Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.13 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Licogi 15 đã thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2013 vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình thực hiện trong năm với số tiền là 5.574.841.583 VND thay vì phải ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán để xác định số lãi vay năm 2013 cần được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kèm theo.
5. Như trình bày tại thuyết minh số 1 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính năm 2013 của 7 công ty con được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để có thể đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của các Công ty này cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty.

Trên báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính riêng/hợp nhất năm 2013 của các công ty con có hạn chế phạm vi kiểm toán như sau:

- Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 và Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi tại ngày 31/12/2013, do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của các Công ty này sau ngày 31/12/2013. Với những tài liệu đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung khác, kiểm toán viên cũng không thể đưa ý kiến về các chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính của các Công ty này.
- Các khoản người mua trả tiền trước và các khoản phải trả người bán tại ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ các biên bản xác nhận nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9. Với những tài liệu đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung khác, kiểm toán viên cũng không thể đưa ý kiến về các chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính của các Công ty này.
- Tại ngày 31/12/2013, Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi chưa thực hiện bổ sung trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9 chưa trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn, khó đòi với số tiền 3.127.707.376 VND theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính làm cho kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh cao hơn thực tế.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9 đã thực hiện nghiệm thu hoàn thành bàn giao một số hợp đồng xây dựng và ghi nhận doanh thu các hợp đồng này theo biên bản quyết toán, ghi nhận giá vốn theo chi phí thực tế đã phát sinh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất, Kiểm toán viên chưa nhận được biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình của các hợp đồng trên, cũng như các dự toán chi phí để đảm bảo việc ghi nhận doanh thu và giá vốn các công trình này là phù hợp. Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 xác định giá vốn hoạt động xây lắp năm 2013 bằng cách lấy doanh thu ghi nhận trong năm trừ đi lãi gộp ước tính nên Kiểm toán viên không thể đánh giá được tính đúng đắn của tỷ lệ lãi gộp do đơn vị ước tính. Do đó, Kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về số liệu doanh thu, giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của các Công ty này.
- Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9 chưa ghi nhận đầy đủ đối với chi phí lãi vay theo hợp đồng vay vốn số 307B/HĐVV ngày 23/03/2011 giữa cán bộ công nhân viên Công ty và Công ty, dẫn đến khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh thấp hơn với số tiền là 2.515.082.397 VND. Đồng thời, trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chi tiêu "Chi phí hoạt động tài chính" sẽ giảm là 2.515.082.397 VND, chi tiêu "Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ tăng tương ứng là 2.515.082.397 VND.
- Kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1 (đầu tư dài hạn khác) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 khi thực hiện lập báo cáo tài chính. Do đó, Kiểm toán viên không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của khoản đầu tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.
- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán hợp nhất, Kiểm toán viên vẫn chưa thu thập đầy đủ hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án Khu đô thị Cà Mau theo biên bản bàn giao Dự án với Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1 do Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9 đang trong quá trình bổ sung hồ sơ.
- Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9 ghi nhận vào chi tiêu "Thu nhập khác" phần lãi tính cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp 9.1 theo Nghị quyết số 12 NQ/HĐQT-CG9 của Hội đồng quản trị ngày 15/5/2012 về việc tính lãi phát sinh từ ngày 01/9/2008 đến 14/5/2012 với số tiền 5.535.748.000 VND. Chúng tôi chưa nhận được xác nhận của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1 về khoản lãi phát sinh này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng-Công ty TNHH MTV tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày: 02-03-2015

Số CT: 123/ Quyển số: 03 SCT/BS



Hoàng Thị Thanh Tâm
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2302-2013-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2014



Trần Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0487-2013-055-1

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Ngân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất) MÃU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.325.651.452.454	3.268.427.345.422
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.	261.805.044.173	168.699.654.558
1. Tiền	111		244.805.044.173	155.539.654.558
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	13.160.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.	6.000.000.000	6.039.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	6.039.000.000
III- Các khoản phải thu	130		1.522.317.237.217	1.666.853.875.601
1. Phải thu của khách hàng	131		1.257.459.054.874	1.418.741.416.226
2. Trả trước cho người bán	132		97.289.352.240	98.818.483.788
5. Các khoản phải thu khác	135	7.	208.062.243.717	189.525.172.766
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(40.493.413.614)	(40.231.197.179)
IV- Hàng tồn kho	140	8.	1.414.061.401.553	1.306.552.715.034
1. Hàng tồn kho	141		1.415.698.468.543	1.308.299.030.439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.637.066.990)	(1.746.315.405)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		121.467.769.511	120.282.100.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.887.395.778	16.522.380.651
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.607.042.767	18.959.008.963
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9.	138.979.629	600.787.309
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10.	84.834.351.337	84.199.923.306
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		986.539.074.012	3.100.567.909.627
II- Tài sản cố định	220		467.837.216.513	2.771.415.545.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11.	368.838.225.363	443.926.870.923
- Nguyên giá	222		1.252.248.157.621	1.233.897.618.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(883.409.932.258)	(789.970.747.525)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12.	18.638.008.130	23.318.795.221
- Nguyên giá	225		35.106.496.366	36.914.598.138
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.468.488.236)	(13.595.802.917)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13.	25.207.331.673	26.014.209.248
- Nguyên giá	228		27.970.381.261	28.283.381.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.763.049.588)	(2.269.172.013)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14.	55.153.651.347	2.278.155.669.732
III- Bất động sản đầu tư	240	15.	2.880.570.073	3.005.812.250
- Nguyên giá	241		3.757.265.312	3.757.265.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(876.695.239)	(751.453.062)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		495.472.536.425	306.610.796.591
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16.	430.208.782.613	234.954.955.583
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17.	65.744.855.608	72.244.855.608
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(481.101.796)	(589.014.600)
V- Tài sản dài hạn khác	260		20.348.751.001	19.535.755.662
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18.	18.291.553.273	19.117.595.595
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.891.662.728	210.625.067
3. Tài sản dài hạn khác	268		165.535.000	207.535.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.312.190.526.466	6.368.995.255.049

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất) MÃU B 01 - DN/HN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

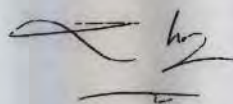
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.503.988.844.219	5.285.222.383.549
I- Nợ ngắn hạn	310		3.089.730.720.989	3.620.530.467.191
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19.	1.236.672.144.167	1.244.375.346.956
2. Phải trả cho người bán	312		855.821.219.043	1.043.763.721.459
3. Người mua trả tiền trước	313		290.383.717.219	389.979.753.593
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20.	187.021.513.066	188.185.411.479
5. Phải trả người lao động	315		77.349.465.524	73.070.203.826
6. Chi phí phải trả	316	21.	147.487.283.774	438.131.006.390
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	22.	218.262.024.759	161.202.935.828
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	23.	7.307.916.149	5.301.670.711
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		69.425.437.288	76.520.416.949
II- Nợ dài hạn	330		414.258.123.230	1.664.691.916.358
3. Phải trả dài hạn khác	333	24.	301.557.176.295	296.605.456.326
4. Vay và nợ dài hạn	334	25.	99.357.082.406	1.368.086.460.032
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		388.853.152	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		12.955.011.377	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		711.219.692.399	712.314.457.694
I- Vốn chủ sở hữu	410	26.	697.410.769.028	696.865.547.974
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		506.517.288.996	493.166.941.618
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.743.908.838	7.666.104.576
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		95.688.356.432	68.494.864.844
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		29.266.340.586	46.945.681.126
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		983.397.158	547.103.283
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		52.100.452.854	74.933.828.363
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		5.111.024.164	5.111.024.164
II- Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		13.808.923.371	15.448.909.720
1. Nguồn kinh phí	432		47.891.567	269.209.688
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		13.761.031.804	15.179.700.032
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		96.981.989.848	371.458.413.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		4.312.190.526.466	6.368.995.255.049

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			546.292.360	546.292.360
5. Ngoại tệ các loại				
USD			479.120,97	1.227,51
EUR			124,56	124,56

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu



Lê Thanh Nội

Kế toán trưởng



Phan Lan Anh

Tổng Giám đốc

Vũ Tiến Giao

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

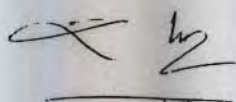
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27.	3.846.105.536.365	4.319.641.145.625
2. Các khoản giảm trừ	02	27.	1.118.704.114	1.696.627.480
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27.	3.844.986.832.251	4.317.944.518.145
4. Giá vốn hàng bán	11	28.	3.550.840.460.229	3.966.793.650.877
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		294.146.372.022	351.150.867.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29.	74.071.814.934	76.804.174.405
7. Chi phí tài chính	22	30.	100.364.760.428	162.556.930.204
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99.044.159.462	158.833.528.080
8. Chi phí bán hàng	24		32.255.284.065	23.294.449.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		155.924.933.063	131.299.932.977
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		79.673.209.400	110.803.729.182
11. Thu nhập khác	31	31.	11.098.548.423	22.512.625.612
12. Chi phí khác	32	31.	12.275.878.616	31.639.787.948
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31.	(1.177.330.193)	(9.127.162.336)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		22.912.591.307	41.619.201.014
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		101.408.470.514	143.295.767.860
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32.	14.490.125.688	22.196.869.633
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33.	(368.742.175)	18.209.882
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		87.287.087.001	121.080.688.345
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		14.386.475.035	18.671.125.721
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		72.900.611.966	102.409.562.624
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2014

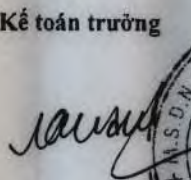
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Nội



Phan Lan Anh
Vũ Tiến Giao



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

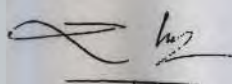
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

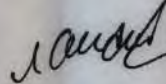
	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.408.470.514	143.295.767.860
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		118.777.268.055	134.595.051.824
- Các khoản dự phòng	03		45.055.216	(27.447.603.733)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.906.951)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58.069.986.534)	(74.500.515.196)
- Chi phí lãi vay	06		99.044.159.462	158.833.528.080
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		261.202.059.762	334.776.228.835
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(35.256.954.359)	(298.644.705.623)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(107.399.438.104)	159.322.948.440
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		117.006.625.191	222.359.716.528
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.613.769.246)	17.725.116.255
- Tiền lãi vay đã trả	13		(106.828.956.519)	(156.345.063.956)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.397.311.158)	(11.409.797.780)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30.134.863.637	360.708.343.315
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(119.952.848.400)	(416.195.721.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.894.270.804	212.297.064.107
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(97.830.247.023)	(158.217.422.022)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		1.495.618.181	2.439.130.218
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	1.350.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.887.007.370)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	19.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55.324.191.182	73.189.565.002
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.010.437.660)	(78.125.734.172)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.467.944.128.945	1.815.036.248.158
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.343.869.289.948)	(1.930.405.703.722)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.835.836.104)	(7.445.870.070)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		119.239.002.893	(122.815.325.634)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		93.122.836.037	11.356.004.301
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		168.699.654.558	157.547.594.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.446.422)	(203.944.014)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.	261.805.044.173	168.699.654.558

Người lập biểu



Lê Thanh Nội

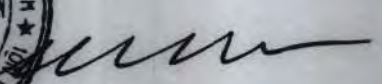
Kế toán trưởng



Phan Lan Anh

Giám đốc





Vũ Tiến Giao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng-Công ty TNHH MTV (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng chính thức đổi tên thành Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng theo Quyết định số 793/BXD-TCLĐ ngày 21/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng chuyển đổi mô hình thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 95/TĐSD-HĐQT ngày 30/06/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà.

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 1 ngày 04/01/2013 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 370.000.000.000 VND (Ba trăm bảy mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh, mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buru điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thi công xây lắp: thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng; tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng, đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài.

- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ;

- Sản xuất, kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng; quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; Thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật);

- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 (Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc, hạch toán độc lập, xác định kết quả kinh doanh độc lập với Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Licogi số 1	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Khu đô thị mới cột 5 - cột 8, phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng	Số 61E La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội
Chi nhánh Xây dựng nền móng và Công trình ngầm Licogi số 5	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Licogi số 6	Phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Công ty Lắp máy Điện nước	323B Lương Thế Vinh, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Chi nhánh Vật liệu xây dựng Licogi	G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Trường Cao đẳng nghề Licogi	Thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Trường Trung cấp xây dựng	Phường Nam Khê, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Các công ty con của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu (***)
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Số 02, đường số 01, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư, xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	51,85%
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	100%
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Số 382 đường Núi Thành, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	57,71%
Công ty Cổ phần Licogi 15 (*)	Số 44 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	64,65%
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây dựng số 17	Số 20 Nguyễn Thái Học, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.	56,33%
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Số 35, đường Hai Bà Trưng, Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	64,77%
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Nhà G1, Số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	60%

(*) Ngoại trừ Công ty Cổ phần Licogi 15, các báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác, với tổng tài sản: 1.682.186.521.477 VND; nợ phải trả: 1.199.886.352.349 VND; doanh thu thuần: 2.316.380.671.230 VND; giá vốn 2.085.384.579.755 VND; lợi nhuận sau thuế: 76.138.168.914 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu (***)
Công ty Cổ phần Licogi 14	Số nhà 2068, đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, TP. Việt Trì, Phú Thọ	27,50%
Công ty Cổ phần Licogi 19	Đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội	22,62%
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội	42,00%
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Huyện Duy Tiên, Hà Nam	48,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Số nhà 233, đường Nguyễn Huệ, Tổ 20, Khu phố Phú Bình, phường An Lộc, thị xã Bình Long, Bình Phước	20,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Xã Hải Chiểu, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	23,63%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (**)	Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, Lào Cai	36,24%

(**) Tại ngày 01/10/2013, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty này là 36,24% (tại ngày 01/01/2013 là 52%).

(***) Tỷ lệ phần sở hữu bằng tỷ lệ quyền biểu quyết.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại: Nhà G1 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Riêng Trường Trung cấp xây dựng và Trường Cao đẳng nghề Licogi áp dụng Chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính. Vì vậy, một số chỉ tiêu được phân loại lại cho phù hợp với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính để hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ Tổng Công ty và các công ty do công ty mẹ Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Theo đó, các chỉ tiêu tại ngày 01/01/2013 của bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm các số dư tài sản, công nợ và nguồn vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, với tư cách là công ty con của Tổng Công ty và các chỉ tiêu tại ngày 31/12/2013 của bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty không bao gồm các số dư tài sản, công nợ và nguồn vốn của Công ty này do Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát Công ty này từ ngày 01/10/2013 (tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty này từ ngày 01/10/2013 là 36,24%).

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013 không được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam là công ty con của Công ty Cổ phần Licogi 15 (công ty con của Tổng Công ty). Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam chỉ lập báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2013 để làm thủ tục giải thể nên báo cáo tài chính của Công ty này không được hợp nhất cùng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 15. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty không bao gồm số liệu tài chính của Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ và các giao dịch nội bộ liên quan đến doanh thu và chi phí giữa các công ty con và công ty mẹ Tổng Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, khoản cổ tức nhận được trong năm 2013 từ Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long được ghi nhận trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh, tất cả các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số trong hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty mẹ Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu và tạm ứng với tỷ lệ số dư các khoản phải thu ngắn hạn và tạm ứng chưa được đối chiếu lần lượt là 6% và 3%.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty Cổ phần Licogi 15 chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ tạm ứng với tỷ lệ số dư tạm ứng chưa được đối chiếu là 3%.

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty mẹ Tổng Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung dự phòng nợ khó đòi tại ngày 31/12/2013 do Công ty mẹ Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh hoặc bình quân gia quyền tháng tùy theo từng loại vật tư, hàng hóa.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên nhiên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho các công trình xây lắp, dịch vụ, khảo sát, thiết kế công trình chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành. Chi phí dở dang được xác định hoặc đánh giá theo khối lượng thi công dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty mẹ Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2013 do Công ty mẹ Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị cổ phần hóa.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoại trừ các tài sản cố định tạm ngừng sản xuất trong năm 2013 và tài sản cố định tại Văn Phòng Tổng Công ty được trình bày dưới đây, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Trong năm 2013, Văn phòng Tổng Công ty thực hiện thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình theo bản đăng ký trích khấu hao gửi Cơ quan thuế số 02/TCT/TCKT ngày 10/01/2013. Theo đó, tài sản cố định là trạm trộn bê tông Mông Dương được khấu hao theo phương pháp khấu hao theo sản lượng với thời gian tối đa không quá 2 năm. Đối với các tài sản khác cụ thể như sau:

	2013 Số năm	2012 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 15	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	02 - 10	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	02 - 05

Việc thay đổi phương pháp trích khấu hao và thời gian trích khấu hao của tài sản cố định hữu hình trong năm 2013 dẫn đến chi phí khấu hao năm 2013 giảm đi 11%.

Trong năm 2013, Chi nhánh Licogi số 1 chưa trích khấu hao đối với các tài sản tạm ngừng sản xuất với số tiền 1.808.711.983 VND.

4.8. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Thuê tài chính

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, quyền khai thác mỏ, lợi thế thương hiệu LICOGI và phần mềm quản lý.

Quyền sử dụng đất tại Trường Trung cấp Xây dựng là toàn bộ chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã chi ra để có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền khai thác mỏ đá Núi Gáo tại Văn phòng Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 06 năm.

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 2 đến 5 năm.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là các căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Mẫu B09 - DN/HN

4.12. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận trừ khi Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư lớn hơn giá trị thị trường của chúng (hoặc phần sở hữu tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty mẹ Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2013 do Công ty mẹ Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị cổ phần hóa.

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm là 34.540.383.971 VND với tỷ lệ chi phí đi vay được vốn hóa là 25%.

Riêng Công ty Cổ phần Licogi 15, chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc thi công các công trình xây dựng dở dang được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình (được vốn hóa) với giá trị được vốn hóa trong năm là 5.574.841.583 VND với tỷ lệ chi phí đi vay được vốn hóa là 4%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

4.14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa lớn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác...

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã được trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

4.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, các khoản chi phí phải trả cho công trình xây lắp và các khoản chi phí phải trả khác.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ.

Chi phí phải trả cho công trình xây lắp là chi phí được trích trước phù hợp với doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận dựa trên biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành giữa Tổng Công ty và khách hàng.

4.16. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được trích lập theo tỷ lệ quy định tại hợp đồng xây dựng, trên doanh thu ghi nhận trong năm đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty mẹ Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải trả và vay ngắn hạn; vay dài hạn với tỷ lệ số dư phải trả và vay ngắn hạn; vay dài hạn chưa được đối chiếu lần lượt là 4% và 11%.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty Cổ phần Licogi 15 chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải trả với tỷ lệ số dư phải trả chưa được đối chiếu là 1%.

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty mẹ Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải trả tại ngày 31/12/2013 do Công ty mẹ Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước theo nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty theo Điều lệ Công ty.

4.18. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu xây lắp: Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời Tổng Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ là lãi tiền vay. Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa).

4.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

4.20. Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Trong năm 2013, Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế, riêng tại Chi nhánh Sản xuất vật liệu xây dựng Licogi và Công ty Cổ phần tư vấn Licogi chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế kể từ ngày 01/07/2013 do các đơn vị này có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dưới 20 tỷ VND.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN/HN

4.22. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Tổng Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các chủ sở hữu chính của Tổng Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tổng Công ty.

Theo đó các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm các công ty con, công ty liên kết, các đơn vị, chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty các thành viên trong Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 35.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	20.793.732.017	17.325.351.002
Tiền gửi ngân hàng	224.011.312.156	138.214.303.556
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	13.160.000.000
Cộng	261.805.044.173	168.699.654.558

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cho vay ngắn hạn khác	-	39.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.039.000.000

(*): Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà vay với lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng ngày 05/04/2012. Số tiền vay 6 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thu lãi vay vào ngày đáo hạn của khoản vay.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013
	VND
Phải thu về cổ phần hóa	4.834.145.430
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.381.692.182
Phải thu người lao động	302.028.284
Phải thu từ cơ quan Bảo hiểm xã hội	1.152.989.289
Kinh phí công đoàn	6.479.517
Phải thu khác	200.384.909.015
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Công trình Licogi 13	2.642.000.000
Công ty Xây dựng số 19	713.413.162
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	670.203.386
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Quang	450.401.397
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam IDICO	500.000.000
Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng, Thái Bình	21.000.000.000
Đội xây dựng dự án LK1+2	414.321.809
Đội xây dựng dự án C8MR	1.503.476.844
Đội xây dựng dự án đồi T5	700.421.767
Ông Phạm Văn Hàng- Đền bù giải phóng mặt bằng Yên Thanh, Ưông Bí	110.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Đền bù giải phóng mặt bằng dự án đồi T5	150.000.000
Ông Nguyễn Sinh Cương	2.207.763.616
Ông Nguyễn Văn Tân-WC3	125.647.470
Ông Phí Khắc Dương- WC3	387.336.191
Ông Phan Ngọc Bình-Bắc Hà	3.925.064.317
Ông Phạm Văn Chương-Thăng Long II	3.621.299.101
Ông Trần Anh Thi-Thăng Long II	6.222.466.094
Ông Trần Anh Thi- WC3	1.086.264.975
Ông Trần Quốc Hương	3.860.798.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2013 VND
Phải thu khác (tiếp theo)	
Ông Tạ Quang Thành	1.147.650.459
Ông Vũ Quốc Hùng- CP2 và Quảng Bình	524.382.686
Xí nghiệp xây dựng và cơ khí điện nước	227.450.000
Ông Lê Viết Cảnh	38.933.560
Ban điều hành Công trình Avuong	252.082.480
Ban điều hành Xây lắp BT Móng Dương 1	902.669.125
Ban quản lý dự án thủy điện cấm thủy 2	1.387.056.172
Ban điều hành dự án nhà máy thủy điện ĐAKĐRINH	831.755.769
Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	26.584.751.419
Trạm bê tông ban quản lý dự án Thịnh Liệt	108.329.855
Ban điều hành nhà máy CNTT Dung Quất	25.514.904.552
Ban điều hành Lai Châu	200.000.000
Ban điều hành thi công hồ thải xỉ nhiệt điện Móng Dương 2	25.000.000
Ban điều hành thủy điện Sơn La	479.143.289
Ban điều hành các công trình của Tổng Công ty	5.663.477.938
Phải thu nội bộ trung tâm xuất khẩu lao động và chuyên gia	213.332.399
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	6.972.287.202
Phải thu về vốn cho vay	24.092.240.357
Tiền thuê đất của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	533.808.000
Bảo lãnh thầu tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	154.807.370
Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	1.058.942.843
Tiền thuê đất được khấu trừ của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	2.384.330.200
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 phải thu Công ty con - Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1	21.755.224.170
Ông Hoàng Hương Sơn	3.035.505.078
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Sài Gòn	500.000.000
Thuế tài nguyên phải thu từ chủ đầu tư công trình Đakrinh	1.345.577.035
Thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định thuê tài chính	20.763.597
Công ty TNHH An Bình	100.000.000
Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp Ninh Thuận	165.000.000
Công ty Hoàng Long Quảng Ninh	286.210.128
Ông Phan Quốc Trình	236.587.440
Ông Đoàn Kim Long	127.999.139
Tiền lãi phải thu của Công ty Sản xuất Vật liệu Xây dựng Tấm lợp Hà Nam	212.412.123
Cổ tức đã trả cho cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Licogi 15	289.961.809
Lương khối văn phòng Công ty Cổ phần Licogi 15 đã chi	2.064.000.000
Các đối tượng khác	20.657.454.448
Cộng	208.062.243.717

**TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MTV**

Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	114.146.320.933	115.876.565.337
Công cụ, dụng cụ	7.040.784.887	8.159.652.438
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.215.745.894.262	1.117.903.370.705
Thành phẩm	74.051.386.748	54.868.013.727
Hàng hóa	155.684.001	8.518.604.042
Hàng gửi đi bán	4.558.397.712	2.972.824.190
Cộng	1.415.698.468.543	1.308.299.030.439
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.637.066.990)	(1.746.315.405)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.414.061.401.553	1.306.552.715.034

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.770.000	39.716.221
Thuế giá trị gia tăng	-	436.305.002
Thuế tài nguyên nộp thừa	4.241.600	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	94.968.029	124.766.086
Cộng	138.979.629	600.787.309

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.281.561.126	-
Tạm ứng	80.199.429.393	84.199.923.306
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.353.360.818	-
Cộng	84.834.351.337	84.199.923.306

MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu B 09 - DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	156.302.840.622	869.777.857.211	196.834.162.896	9.210.468.491	1.772.289.228	1.233.897.618.448
Tăng trong năm	6.645.358.973	32.285.283.942	4.057.037.383	1.357.345.756	1.004.720.410	45.349.746.464
Mua trong năm	16.740.000	12.918.165.174	2.818.472.110	434.699.001	1.004.720.410	17.192.796.695
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.628.618.973	16.476.226.921	1.238.565.273	584.545.455	-	24.927.956.622
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	1.810.101.772	-	-	-	1.810.101.772
Tặng khác	-	1.080.790.075	-	338.101.300	-	1.418.891.375
Giảm trong năm	691.190.202	8.243.609.701	13.467.736.348	3.990.470.381	397.931.767	26.790.938.399
Thanh lý, nhượng bán	-	929.973.849	12.041.694.193	-	-	12.971.668.042
Chuyển sang công cụ dụng cụ	434.929.705	3.569.966.753	491.700.192	2.508.848.372	60.476.190	7.065.921.212
Giảm khác	256.260.497	3.743.669.099	934.341.963	1.481.622.009	337.455.577	6.753.349.145
Giảm do điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	208.268.892	208.268.892
Phân loại lại	6.504.923.789	(6.464.946.317)	(145.677.272)	105.699.800	-	-
Tại ngày 31/12/2013	168.761.933.182	887.354.585.135	187.277.786.659	6.683.043.666	2.170.808.979	1.252.248.157.621
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	68.288.677.921	574.867.752.656	139.120.369.870	7.044.605.318	649.341.760	789.970.747.525
Tăng trong năm	19.898.488.785	80.231.316.293	16.277.002.745	716.387.310	140.546.935	117.263.742.067
Khấu hao trong năm	19.898.488.785	79.357.119.385	16.277.002.745	716.387.310	140.546.935	116.389.545.159
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	874.196.908	-	-	-	874.196.908
Giảm trong năm	1.021.098.153	6.438.212.062	13.816.175.271	2.858.429.273	372.368.171	24.506.282.930
Thanh lý, nhượng bán	-	869.220.301	12.033.813.758	-	-	12.903.034.059
Chuyển sang công cụ dụng cụ	335.604.187	3.031.399.320	344.934.581	2.059.075.978	60.476.190	5.831.490.256
Giảm khác	685.493.966	2.537.592.441	1.437.426.932	799.353.295	311.891.981	5.771.758.615
Tăng theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	681.725.596	681.725.596
Phân loại lại	2.119.839.400	(2.127.772.183)	7.933.283	(500)	-	-
Tại ngày 31/12/2013	89.285.907.953	646.533.084.704	141.589.130.627	4.902.562.855	1.099.246.120	883.409.932.258
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	88.014.162.701	294.910.104.555	57.713.793.026	2.165.863.173	1.122.947.468	443.926.870.923
Tại ngày 31/12/2013	79.476.025.229	240.821.500.431	45.688.656.032	1.780.480.811	1.071.539	368.838.225.363

Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 294.485.063.784 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận đẫn	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	31.404.672.600	5.509.925.538	36.914.598.138
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	1.808.101.772	-	1.808.101.772
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	1.808.101.772	-	1.808.101.772
Tại ngày 31/12/2013	<u>29.596.570.828</u>	<u>5.509.925.538</u>	<u>35.106.496.366</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	12.259.060.743	1.336.742.174	13.595.802.917
Tăng trong năm	3.020.055.356	726.826.871	3.746.882.227
Khấu hao trong năm	3.020.055.356	726.826.871	3.746.882.227
Giảm trong năm	874.196.908	-	874.196.908
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	874.196.908	-	874.196.908
Tại ngày 31/12/2013	<u>14.404.919.191</u>	<u>2.063.569.045</u>	<u>16.468.488.236</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	<u>19.145.611.857</u>	<u>4.173.183.364</u>	<u>23.318.795.221</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>15.191.651.637</u>	<u>3.446.356.493</u>	<u>18.638.008.130</u>

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	24.857.155.546	221.585.715	3.204.640.000	28.283.381.261
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(13.000.000)	(300.000.000)	(313.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	<u>24.857.155.546</u>	<u>208.585.715</u>	<u>2.904.640.000</u>	<u>27.970.381.261</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	1.150.893.410	129.590.315	988.688.288	2.269.172.013
Tăng trong năm	27.315.182	30.198.889	432.717.549	490.231.620
Giảm trong năm	-	3.645.955	-	3.645.955
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.178.208.592</u>	<u>163.435.159</u>	<u>1.421.405.837</u>	<u>2.763.049.588</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	<u>23.706.262.136</u>	<u>91.995.400</u>	<u>2.215.951.712</u>	<u>26.014.209.248</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>23.678.946.954</u>	<u>45.150.556</u>	<u>1.483.234.163</u>	<u>25.207.331.673</u>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MTV**

Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2013	
	VND	
Tại ngày 01 tháng 01 (**)		2.278.155.669.732
Tăng trong năm		67.354.229.268
Kết chuyển sang tài sản cố định		24.927.956.622
Kết chuyển giảm		139.732.004
Giảm do giảm giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu tư vào Công ty Thủy điện Bắc Hà		2.265.288.559.027
Tại ngày 31 tháng 12 (**)		55.153.651.347
(**) Bao gồm	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	32.086.096.509	224.183.055
Mua sắm máy khoan đá BAUER BG40	28.487.206.003	-
Trạm trộn bê tông Móng Dương	3.427.805.051	213.577.396
Trạm trộn bê tông Thịnh Liệt	171.085.455	-
Mua sắm máy khoan nhồi ED 6500	-	10.605.659
Chi nhánh Licogi số 1	600.481.364	205.454.545
Kho bãi thuê của Công ty Thanh Vân	205.454.545	205.454.545
Công trình Đại học Quốc Gia	395.026.819	-
Chi nhánh Xây dựng nền móng và Công trình ngầm Licogi 5	1.230.941.000	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.230.941.000	-
Chi nhánh Sản xuất vật liệu xây dựng Licogi	75.862.162	149.504.775
Công trình nhà văn phòng làm việc	-	146.339.490
Băng tải sàng đá	75.862.162	3.165.285
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	7.471.849.754	7.229.537.674
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp	5.029.072.475	5.029.072.475
Chi phí xây dựng tường rào, san lấp khu đất	1.810.364.739	1.810.364.739
Chi phí thẩm tra, thẩm định hồ sơ	245.272.727	245.272.727
Công trình nhà văn phòng, bếp ăn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Doan Hùng	349.734.983	144.827.733
Chi phí làm nhà kho tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6	37.404.830	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	62.613.479	1.339.495.278
Mua sắm tài sản cố định	-	1.197.722.000
Dây truyền hàn tự động thanh giằng GKG	-	81.349.278
Máy cán bi rèn F30	18.444.135	-
Sửa chữa lò tôi bi nhiệt luyện	-	60.424.000
Cải tạo nhà phun cát	44.169.344	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	10.385.815.528	1.390.682.019
Mua sắm tài sản cố định	624.579.375	-
Công trình nhà ở công nhân viên phường An Bình	70.000.000	70.000.000
Công trình Nhà văn phòng phường An Phú, quận 2	9.691.236.153	1.320.682.019
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	3.184.534.846	2.294.915.894
Dự án nhà máy gạch Phong Niên 2	3.054.256.868	2.164.637.916
Công trình khác	130.277.978	130.277.978
Công ty Cổ phần Licogi 15	55.456.705	33.337.465
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	2.265.288.559.027
Cộng	55.153.651.347	2.278.155.669.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	3.757.265.312	3.757.265.312
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2013	3.757.265.312	3.757.265.312
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	751.453.062	751.453.062
Khấu hao trong năm	125.242.177	125.242.177
Tại ngày 31/12/2013	876.695.239	876.695.239
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	3.005.812.250	3.005.812.250
Tại ngày 31/12/2013	2.880.570.073	2.880.570.073

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	229.507.367.890	34.342.851.040
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	200.030.870.896	-
Giá gốc khoản đầu tư	217.466.000.000	-
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	(17.435.129.104)	-
Công ty cổ phần Licogi 14	10.056.773.243	9.992.612.943
Giá gốc khoản đầu tư	7.920.000.000	7.920.000.000
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	2.136.773.243	2.072.612.943
Công ty cổ phần Licogi 19	2.171.737.309	2.066.738.097
Giá gốc khoản đầu tư	1.900.000.000	1.900.000.000
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	271.737.309	166.738.097
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đồng Anh 8	2.730.549.111	5.743.500.000
Giá gốc khoản đầu tư	5.743.500.000	5.743.500.000
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	(3.012.950.889)	-
Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng Bình Long	14.517.437.331	16.540.000.000
Giá gốc khoản đầu tư	16.540.000.000	16.540.000.000
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	(2.022.562.669)	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh	200.701.414.723	200.612.104.543
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	200.701.414.723	200.235.801.017
Giá gốc khoản đầu tư	159.253.337.143	159.253.337.143
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	41.448.077.580	40.982.463.874
Công ty Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	-	376.303.526
Giá gốc khoản đầu tư	589.014.600	589.014.600
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	(589.014.600)	(212.711.074)
Cộng	430.208.782.613	234.954.955.583
Giá gốc của khoản đầu tư	409.411.851.743	191.945.851.743
Điều chỉnh phần sở hữu trong tài sản thuần	20.796.930.870	43.009.103.840
Cộng	430.208.782.613	234.954.955.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Vốn điều lệ VND	Giá gốc đầu tư VND
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần				
Licogi 14	27,50%	27,50%	28.800.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần				
Licogi 19	22,62%	22,62%	-	1.900.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	35,75%	36,24%	600.000.000.000	217.466.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	23,63%	23,63%	12.600.000.000	5.743.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	20,40%	20,40%	36.293.590.822	16.540.000.000
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	42%		327.620.285.000	159.253.337.143
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	48,49%			589.014.600
Cộng				<u><u>409.411.851.743</u></u>

(*) Thay đổi tỷ lệ vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà từ 52% năm 2012 xuống còn 35,24% năm 2013 theo Biên bản xác nhận vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà đối với Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Tỷ lệ sở hữu bao gồm 0,51% tỷ lệ sở hữu chéo từ Công ty Cổ phần Licogi 9. Tỷ lệ quyền biểu quyết bao gồm 1% tỷ lệ quyền biểu quyết từ Công ty Cổ phần Licogi 9.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MTV**

Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	62.556.605.608	69.056.605.608
Đầu tư dài hạn khác	3.188.250.000	3.188.250.000
Cộng	65.744.855.608	72.244.855.608

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Số tiền (VND)	Số lượng	Số tiền (VND)
Tại Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng				
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkDrinh		13.753.805.608		13.753.805.608
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	1.575.000	15.750.000.000	1.575.000	15.750.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	596.700	5.967.000.000	596.700	5.967.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 13	1.356.080	13.560.800.000	1.356.080	13.560.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu công nghiệp và Đô thị IDICO-D	22.500	225.000.000	22.500	225.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - IDICO	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty TNHH Gạch GOUCERA Việt Nam		3.188.250.000		3.188.250.000
Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9				
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Sài Gòn		-		500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1		9.000.000.000		9.000.000.000
Công ty Thủy điện Bắc Hà		-		6.000.000.000
Cộng		65.744.855.608		72.244.855.608

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay chưa phân bổ	1.594.278.813	1.844.278.813
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.130.906.405	2.889.914.639
Tiền thuê đất	3.202.027.321	3.064.824.733
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	864.066.825	2.776.779.984
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.500.273.909	8.541.797.426
Cộng	18.291.553.273	19.117.595.595

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MTV**

Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay và nợ ngắn hạn	1.202.250.387.416	1.242.115.577.088
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng bằng tiền VND</i>	<i>1.052.979.512.557</i>	<i>866.226.280.993</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	103.802.205.873	74.779.521.048
Chi nhánh Thanh Xuân (1)	45.242.000.000	15.000.000.000
Chi nhánh Đông Anh	58.560.205.873	59.779.521.048
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	530.200.759.395	486.530.341.033
Chi nhánh Hà Nội (2.1)	263.303.304.189	201.909.746.518
Chi nhánh Quảng Ninh (2.2)	6.542.335.637	5.296.759.542
Chi nhánh Tây Hồ (2.3)	49.883.094.676	49.215.320.259
Chi nhánh Đông Hà Nội (2.4)	74.197.626.033	63.784.466.372
Chi nhánh Quảng Ngãi	17.716.247.970	16.812.228.507
Chi nhánh Biên Hòa (2.5)	20.012.125.567	59.289.173.467
Chi nhánh Đồng Nai	13.191.428.032	15.478.483.037
Chi nhánh Đà Nẵng	21.568.368.025	20.796.947.946
Chi nhánh Bắc Hải Dương (2.6)	38.764.567.100	31.839.170.476
Chi nhánh Bim Sơn (2.7)	25.021.662.166	21.388.044.909
Chi nhánh Thành Đô	-	720.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (3)	256.609.778.790	176.415.383.386
Chi nhánh Gia Lâm	148.351.542.369	81.685.128.992
Chi nhánh Tây Hà Nội (3.2)	14.670.710.900	14.897.496.984
Chi nhánh Tây Hạ Long (3.3)	69.370.112.000	53.944.589.000
Chi nhánh Tây Hồ (3.4)	2.751.969.400	3.383.544.680
Chi nhánh Nhân Chính (3.5)	9.545.956.630	9.961.956.630
Sở giao dịch (3.6)	9.980.727.491	800.000.000
Chi nhánh Đoàn Hùng	1.938.760.000	3.000.000.000
Chi nhánh TP. Hạ Long	-	8.742.667.100
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương	-	3.200.000.000
Chi nhánh Quảng Ninh	-	3.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (4)	75.469.630.291	98.289.144.411
Chi nhánh Chương Dương	50.391.926.772	58.292.475.277
Chi nhánh Biên Hòa (4.1)	21.811.707.519	39.996.669.134
Chi nhánh Quảng Ninh (4.2)	3.265.996.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	28.205.348.561	24.777.263.115
Chi nhánh Long Biên	28.205.348.561	24.777.263.115
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	22.287.146.874	2.234.628.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	35.604.642.773	-
Chi nhánh Hà Nội	35.604.642.773	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	800.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng bằng tiền USD</i>	<i>5.059.796.547</i>	<i>78.884.151.047</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	5.059.796.547	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	61.073.479.340
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	-	17.810.671.707
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng bằng tiền EUR</i>	<i>-</i>	<i>943.808.534</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - CN Hà Nội	-	943.808.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn cá nhân (5)	115.236.314.796	103.496.532.410
Tại Văn phòng Tổng Công ty (5.1)	20.961.911.653	21.073.973.008
Tại Chi nhánh Licogi số 1 (5.2)	679.050.000	909.450.000
Tại Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (5.3)	41.460.000.000	36.130.000.000
Tại Chi nhánh Xây dựng nền móng và Công trình ngầm Licogi số 5 (5.4)	1.921.398.885	1.806.598.298
Tại Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Licogi số 6 (5.5)	1.088.490.000	843.490.000
Tại Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (5.6)	2.080.366.100	2.017.000.000
Tại Chi nhánh Sản xuất Vật liệu xây dựng Licogi	26.000.000	56.000.000
Tại Công ty Lắp máy Điện nước (5.7)	1.929.083.927	2.368.894.867
Tại Trường Cao đẳng nghề Licogi (5.8)	830.000.000	-
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh	10.102.662.000	10.582.662.000
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi (5.9)	1.010.000.000	-
Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (5.10)	5.773.914.319	3.969.359.064
Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	1.275.643.571	1.007.991.490
Tại Công ty Cổ phần Licogi 17 (5.11)	15.237.231.838	11.446.463.634
Tại Công ty Cổ phần Licogi 15 (5.12)	10.860.562.503	11.284.650.049
Vay các đối tượng khác	20.000.000	2.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng & Vận tải Đức Anh	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng Vạn Lý	-	2.280.000.000
Vay vốn công ty con và công ty liên kết (6)	28.954.763.516	24.383.763.128
Sông Đà Holdings (6.1)	27.815.763.516	20.399.744.863
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	1.139.000.000	-
Lãi vay phải trả các đơn vị trực thuộc	-	3.984.018.265
Các khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà		165.881.040.976
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	34.421.756.751	2.259.769.868
Vay dài hạn đến hạn trả	26.662.052.500	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.600.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	5.860.487.500	-
Tổng công ty Tài chính dầu khí Việt Nam	4.400.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch	12.801.565.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.759.704.251	2.259.769.868
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	4.651.560.672	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	948.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.327.857.929	1.338.038.000
Công ty cho thuê tài chính II - Chi nhánh Đà Nẵng	69.117.650	318.563.868
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	603.168.000	603.168.000
Nợ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 15	160.000.000	-
Cộng	1.236.672.144.167	1.244.375.346.956

- (1) Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD/LICOGI ngày 25/12/2012, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND, lãi suất cho vay thực hiện theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và theo quy định về lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là quyền đối với phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thi công xây lắp đối với tất cả các công trình cấp tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (2.1) *Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng* vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2013/HĐTDHM ngày 18/07/2013 với hạn mức dư nợ tối đa 266.000.000.000 VND, và hợp đồng hạn mức số 01/2012/HĐTD ngày 09/07/2012 với hạn mức dư nợ tối đa là 190.000.000.000 VND, số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là: 251.231.803.000 VND. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay và lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Các hợp đồng vay được bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất số 01/2013/HĐTC ngày 18/07/2013 giữa Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Theo đó, tài sản thế chấp bao gồm tài sản trên 1.928m² đất tại nhà G1 Nguyễn Trãi - Nam Thanh Xuân - Hà Nội, tài sản trên 22.000m² đất nhà xưởng và sản xuất tại xã Uy Nỗ - Đông Anh - Hà Nội, máy móc thiết bị và quyền đòi nợ khối lượng công trình thủy điện A Vương.
- (2.1) *Công ty Lắp máy Điện nước* vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 29/07/2013, hạn mức cho vay 12.000.000.000 VND; số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là: 11.325.701.189 VND, vay với mục đích bổ sung vốn lưu động; thời hạn cho vay theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn rút vốn là từ ngày ký cho đến hết ngày 30/06/2014; lãi suất: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay: thế chấp tài sản của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng được cam kết tại điều 7 hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐTD ngày 13/07/2013 ký giữa ngân hàng và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; thế chấp bằng tài sản, máy móc thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2008/HĐTC ngày 12/08/2008 và các phụ lục hợp đồng ký giữa Công ty và Ngân hàng, đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tổ chức tín dụng, cam kết chuyển toàn bộ doanh thu của các công trình, dự án được Ngân hàng cho vay, bảo lãnh về tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng, đảm bảo tỷ lệ doanh thu chuyển về Ngân hàng tối thiểu tương ứng tỷ lệ doanh số cấp tín dụng của Ngân hàng để đảm bảo nguồn trả nợ, ưu tiên thực hiện các dịch vụ tại Ngân hàng.
- (2.1) *Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi* vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội số tiền 745.800.000 VND nhằm mục đích vay thanh toán lương và trả nợ người bán. Lãi suất vay thả nổi. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Nissan Grand. Thời hạn trả nợ theo từng món vay.
- (2.2) *Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi 2* vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng số 02/2013/HĐTD ngày 13/09/2013, hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được xác định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, và theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ từ 12,5%/năm đến 13,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác.
- (2.3) *Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20* vay Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTDHM số đăng ký tài khoản Ngân hàng 01/5472302 ký ngày 26/08/2013. Hạn mức tín dụng 50 tỷ VND. Vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hạn mức tín dụng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 30/06/2014. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là 22 máy công trình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1/10/134624/HĐ ngày 06/09/2010, xe ô tô Toyota Corolla XL1 và 27 công trình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/10/234624/HĐ ngày 06/09/2010, quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành công trình Licogi 16 và công trình 148 Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành số 01/2012/HĐTCQĐN ngày 19/09/2012, tài sản gắn liền trên đất là trụ sở làm việc của bên vay tại 61E La Thành, Đống Đa, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/10/134624/HĐTC ký ngày 06/09/2010 và tài sản là 3 căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân - phường Linh Chiểu - quận Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2010/134624/HĐTC ngày 30/09/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (2.4) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng số 13.153707.01.01 ngày 22/07/2013, hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, Hợp đồng số 13.153707.01.02 ngày 22/07/2013 hạn mức bảo lãnh là 50 tỷ đồng Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo bao gồm quyền sử dụng 28.355 m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 495611 do Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội cấp ngày 20/09/2010 và tài sản trên đất, tài bao gồm toàn bộ máy móc và dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của Công ty, 02 máy cán tôn và máy cán vòm tự động, 01 xe ô tô du lịch 07 chỗ sản xuất năm 2013 hiệu Toyota Innova E, 02 máy cán xà gỗ tự động theo Hợp đồng thế chấp bất động sản Hà Nội số 11.153707.01.11 ký ngày 23/06/2011 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 19/07/2012. Tổng giá trị tài sản thế chấp của Công ty là: 34.941.000.000 VND.
- (2.5) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 17/2013/HĐ ngày 30/06/2013. Hạn mức cho vay là 60 tỷ VND. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm: máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐ ngày 27/09/2010, 01/2009/HĐ ngày 10/04/2009, 02/2010/HĐ ngày 26/4/2010, máy móc thiết bị thế chấp bổ sung năm 2011, quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17/2010/HĐTC ngày 21/07/2010 và quyền đòi nợ các công trình thi công của Công ty.
- (2.6) Công ty Cổ phần Licogi 17 vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 219065/2013/HĐ ngày 31/01/2013 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND nhằm bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay và lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể. Tài sản đảm bảo là 10 xe ô tô tải ben tự đổ hiệu CNHTC, 01 máy ủi bánh xích và 01 xe lu rung.
- (2.7) Công ty Cổ phần Licogi 15 vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn bao gồm khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ (trên 1 năm) với số tiền 20.869.601.547 VND và khoản vay có thời hạn trả nợ dưới 1 năm với số tiền 4.151.970.619 VND. Hợp đồng vay theo từng món, lãi suất vay từ 11,5% - 13%/năm tùy theo từng thời điểm ký hợp đồng. Các khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản của Công ty và được quy định trong hợp đồng thế chấp số 01/03/HĐ ngày 23/07/2003, hợp đồng thế chấp số 01/07/HĐ và hợp đồng thế chấp số 01/13/HĐ ngày 13/09/2013. Mục đích vay để thanh toán lương, thanh toán tiền mua vật liệu và các chi phí khác phục vụ các công trình Công ty đang thi công.
- (3.1) Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 3120 - LAV- 201101176 ngày 17/10/2013, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất cho vay áp dụng theo từng giấy nhận nợ. Số tiền vay tại ngày 31/12/2013 là 94.589.000.000 VND.
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 53.762.542.369 VND.
- (3.2) Chi nhánh Licogi số 1 vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1481LAV201100091 ngày 15/06/2010 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Chi nhánh Licogi số 1, hạn mức tín dụng hai bên thống nhất là 10.000.000.000 VND, thời hạn có hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng, lãi suất cho vay áp dụng cụ thể theo từng giấy nhận nợ và sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, là khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản. Theo hợp đồng này thì toàn bộ số dư của hợp đồng hạn mức tín dụng số 1481LAV2011000125 ngày 26/07/2010 đã ký giữa 2 bên sẽ được chuyển sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGÁN HẠN (TIẾP THEO)

- (3.2) Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng ký ngày 29/06/2012. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND, vay bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn cho vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 08 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng cho từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ số dư nợ bao gồm cả số dư bảo lãnh và dư mở L/C chưa nhận nợ (gồm VND và ngoại tệ tương đương) của hợp đồng hạn mức tín dụng số 1481LAV200100059 ngày 15/06/2011 đã được ký giữa Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 và Ngân hàng được chuyển sang và theo dõi tại hợp đồng tín dụng này.
- (3.3) Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long theo Hợp đồng số 336/13/HĐTD ngày 17/06/2013, hạn mức tín dụng được phép vay 70.000.000.000 VND. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2013. Lãi suất tại thời điểm vay 11,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là diện tích đất thế chấp 32.007 m² với giá trị tài sản là 128.028.000.000 VND, thực hiện theo hợp đồng thế chấp số 305/12/HĐTC ngày 29/02/2012, phụ lục hợp đồng thế chấp số 305.01/13/HĐTC ngày 17/06/2013. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa là 12 tháng. Trả lãi tiền vay vào ngày 25 các tháng 3, 6, 9, 12.
- (3.4) Chi nhánh Vật liệu xây dựng Licogi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh theo hợp đồng tín dụng số 1506-LAV-201300429 ngày 24/07/2013. Hạn mức cho vay được cung cấp là 2.000.000.000 VND, được bảo lãnh bởi Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Số tiền vay tại ngày 31/12/2013 là 1.688.169.600 VND.
- (3.4) Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng tín dụng số 1506-LAV-201300274 ngày 23/05/2013. Lãi suất vay 2,5%/năm. Mục đích vay thanh toán lương và trả nợ người bán. Hình thức đảm bảo là xe ô tô Camry. Thời hạn trả nợ 12 tháng. Số tiền vay tại ngày 31/12/2013 là 1.063.799.800 VND.
- (3.5) Công ty Lắp máy Điện nước vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhân Chính theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1480-LAV-201200231/HĐTD ngày 15/06/2012, hạn mức cho vay 10.000.000.000 VND; Vay với mục đích bổ sung vốn lưu động; thời hạn cho vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng; lãi suất được xác định theo lãi suất Ngân hàng từng thời điểm vay cụ thể, trừ trường hợp theo đề nghị của bên vay Ngân hàng sẽ điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp; không có bảo đảm tài sản cho khoản vay;
- (3.6) Chi nhánh Xây dựng nền móng và Công trình ngầm Licogi số 5 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1200-LAV-201201090 ngày 27/12/2012 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức 10 tỷ VND, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (4.1) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0017.13/48.05-HM ngày 17/06/2013 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 80.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay dài hạn bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng công bố tại thời điểm Công ty nhận nợ đầu tiên và sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm 04 quyền sử dụng đất tại phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, tổng diện tích 797,9 m² theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 066/2011/VCB.BH ngày 11/05/2011 và các phụ lục kèm theo, hệ thống trạm trộn bê tông đầm lăn RCC công suất 250m³/h theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 123/11/VCB.BH ngày 29/09/2011 và các phụ lục kèm theo. Toàn bộ khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 50 tỷ VND.
- (4.2) Công ty Cổ phần Licogi 17 vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh theo hợp đồng số 01/2013/HM/LICOGI 17.1-VCB với hạn mức vay 10 tỷ VND, nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất thả nổi, thời gian vay dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (5.1) Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng vay huy động vốn cán bộ nhân viên theo Nghị Quyết số 08/NQ/TCT-HĐQT ngày 16/3/2009 của Hội đồng thành viên về việc huy động vốn bổ sung vốn đầu tư và vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại tờ trình số 10/TCT-TCKT ngày 16/2/2009. Lãi suất theo lãi suất vay vốn Ngân hàng thông báo tại từng thời điểm.
- (5.2) Chi nhánh Licogi số 1 vay các cá nhân với lãi suất dao động từ 1,05% đến 1,6%/tháng, thời hạn vay tùy theo từng hợp đồng vay, trả lãi cuối kỳ.
- (5.3) Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 vay ngắn hạn của các cá nhân theo các hợp đồng vay cụ thể, mục đích vay triển khai đầu tư xây dựng dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Lãi suất cho vay là 11,5%/năm. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày nộp tiền.
- (5.4) Chi nhánh Xây dựng nền móng và Công trình ngầm Licogi số 5 vay cá nhân theo các hợp đồng vay có thời hạn dưới 1 năm mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng có giá trị lớn, trọng điểm. Lãi suất cho vay áp dụng theo mức lãi suất vay vốn của ngân hàng cổ phần tại thời điểm tính lãi. Tại thời điểm tính lãi nếu không rút lãi suất sẽ được cộng gốc và được tính lãi ở kỳ tính lãi 3 tháng tiếp theo. Thuế thu nhập cá nhân tính vào chi phí Chi nhánh, trả lãi cuối kỳ.
- (5.5) Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Licogi số 6 vay cá nhân với mục đích bổ sung vốn lưu động triển khai các hợp đồng xây lắp đã và đang thi công, thời hạn cho vay dưới 1 năm, lãi suất cho vay theo biến động của ngân hàng thương mại tại thời điểm vay vốn.
- (5.6) Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 vay của các cá nhân trong và ngoài Công ty với lãi suất phải trả là 1,08%/tháng.
- (5.7) Công ty Lắp máy Điện nước vay cá nhân là các hợp đồng vay ngắn hạn với lãi suất dao động từ 14 đến 15%/năm trong 5 tháng đầu năm 2013 và lãi suất khoảng 12 %/năm trong các tháng còn lại.
- (5.8) Trường Cao đẳng nghề Licogi vay cá nhân có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng với lãi suất theo thỏa thuận giữa trường và các cá nhân, dao động trong khoản từ 1%/tháng đến 1,15%/tháng. Mục đích khoản vay để huy động vốn lưu động cho hoạt động của Trường.
- (5.9) Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi vay cá nhân nhằm thanh toán lương và trả nợ người bán. Lãi suất theo từng thời điểm vay.
- (5.10) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 vay cá nhân theo nhiều hợp đồng vay cụ thể của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- (5.11) Công ty Cổ phần Licogi 17 vay của các cá nhân mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Thời hạn vay từ 6 tháng đến 1 năm.
- (5.12) Công ty Cổ phần Licogi 15 vay cá nhân nhằm bổ sung vốn sản xuất kinh doanh có phiếu huy động vốn sản xuất kinh doanh, thời hạn vay dưới 1 năm. Công ty sẽ tính và trả lãi vào ngày 30 hàng tháng theo lãi suất thỏa thuận.
- (6) Văn phòng Tổng Công ty vay vốn các công ty con và công ty liên kết
- (6.1) Vay vốn Sông Đà Holdings 10 để hỗ trợ Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà tiếp tục triển khai dự án thủy điện Bắc Hà 20.000.000.000 VND. Lãi vay chưa thanh toán được nhập gốc 399.744.863 VND.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	111.825.384.217	116.681.436.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.624.215.778	43.951.076.949
Thuế thu nhập cá nhân	2.300.369.981	3.079.563.735
Thuế tài nguyên	2.765.482.707	1.974.905.829
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.553.792.323	3.362.136.450
Các loại thuế khác	6.810.932.444	19.136.291.610
Các khoản phí, lệ phí	16.141.335.616	-
Cộng	187.021.513.066	188.185.411.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND
Chi phí phải trả khác	147.487.283.774
Trích trước chi phí lãi vay	17.336.442.605
Trích trước chi phí khác	709.142.717
Trích chi phí các công trình	71.206.238.702
Công trình thủy điện Sơn La	14.691.942.873
Phí tổng thầu phải trả	1.750.390.700
Công trình nhà máy đóng tàu Dung Quất	13.288.497.171
Gói thầu cung cấp Bê tông Mông Dương	155.798.459
Công trình thủy điện Đắkrông	32.881.464.973
Gói thầu xây dựng cầu cảng - Dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương	2.996.813.520
Công trình 20 Cộng Hòa	509.115.455
Công trình thủy điện A Vương	680.990.187
Công trình trụ sở văn phòng báo Thanh Niên	146.592.727
Trạm trộn Bê tông Thịnh Liệt	46.200.000
Dự án đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh	250.335.251
Các hạng mục phục vụ thi công công trình thủy điện Lai Châu	185.337.000
Công trình đường Huội Quảng- Bàn Chát	254.545.455
Dự án cột 5 - cột 8	7.384.035.550
Dự án cột 8 mở rộng	13.220.327.144
Dự án đồi T5	8.887.121.279
Lô B7 cột 5	65.994.323
Công trình Lán bè Cột 8	397.935.181
Công trình Hải Dương	115.186.608
Công trình Mông Dương	152.110.526
Công trình xây dựng Trụ sở Bộ Công An	1.486.510.656
Chi phí thuê giáo	227.272.727
Công trình xây lắp kết cấu Mông Dương I	2.013.479.183
Công trình 148 Hoàng Quốc Việt	42.642.727
Công trình EVN	357.900.000
Công trình Lai Châu	122.727.274
Công trình đường sắt trên cao	1.445.129.050
Công trình 20 đường Cộng hòa	419.930.823
Công trình khoan nhồi tòa nhà đa năng Licogi 16	1.258.366.614
Công trình nhà quốc hội	24.830.000
Công trình Thủy điện Bàn Chát	891.412.460
Công trình Sông Miện Hà Giang	30.813.822
Công trình Thủy điện Sơn La	550.507.856
Công trình Thủy điện Bắc Hà	1.019.420.170
Công trình Bàn Vẽ	1.347.239.754
Công trình Thủy điện Dakrinh- Hạng mục khoan phun vữa	703.882.611
Công trình Thủy điện Lai Châu	669.529.000
Công trình Mỏ khe chàm	183.091.060
Chi nhánh Tỉnh Gia	19.623.547
Công trình ụ tàu số 1	215.587.733
Công trình nhà máy xi măng Đại Việt	897.314.835
Công trình khu đô thị sinh thái Vincom Village	238.121.103
Công trình nhà máy nhiệt điện Mông Dương- Quảng Ninh	217.630.808
Thủy điện Hà Giang	255.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP THEO)

	31/12/2013
	VND
Cải tạo nhà xưởng Quảng Long Xương	32.625.000
Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ	317.295.000
Khu đô thị mới An Hưng	35.699.999
Khu đô thị sinh thái Vincom - biệt thự nhỏ	199.064.660
Trích trước chi phí công trình đã ghi nhận doanh thu	74.379.048
Chi phí phải trả tiền vật tư Công ty Vật tư Công nghiệp Quốc Phòng	271.520.791
Chi phí phải trả tiền vật tư Công ty TNHH Nam Kiều	423.731.765
Kênh thải nước Uông Bí	17.607.973
Công ty Cổ phần Licogi 15	780.086.947
Công ty TNHH MTV Xây dựng Đại Hưng	226.176.100
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt Bắc (khối lượng c	8.463.609.226
Công ty TNHH 25-10 (công trình Mông Dương 2)	2.116.432.500
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	3.226.831.772
Ông Hoàng Văn Dũng	28.432.692
Doanh nghiệp tư nhân Hải Thịnh Uông Bí	77.512.300
Công ty TNHH Thành Minh	54.545.455
Chi phí thuê xe đưa đón công nhân	140.000.000
Chi phí các công trình khác	257.449.029
Cộng	147.487.283.774

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013
	VND
Kinh phí công đoàn	6.205.208.646
Bảo hiểm xã hội	24.142.847.789
Bảo hiểm y tế	619.929.234
Bảo hiểm thất nghiệp	598.255.025
Phải trả về cổ phần hóa	108.425.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.005.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	185.582.359.065
Công ty Cổ phần Khách sạn & Du lịch Thiên Thai	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đông Anh	120.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	824.318.141
Nhà máy gạch Granit Đồng Nai	1.888.592.792
Công ty Cổ phần SOVICO	22.393.087.920
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 18	1.400.750.810
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội	961.371.821
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Mỹ Đình	27.075.198
Phải nộp về phạt chậm nộp	2.804.278.456
Ông Bùi mạnh Cường	5.005.274.551
Ông Nghiêm Đình Hiếu	1.137.368.868
Ông Vũ Dương Ngọc	7.153.275.172
Ông Phan Bá Sơn	7.494.417.497
Ông Vũ Văn Thi	2.159.072.979
Ông Trần Xuân Thủy	1.295.128.467
Bà Lê Thị Quỳnh Lan	2.425.500.000
Ông Phạm Văn Giang	1.256.115.824
Ông Nguyễn Hùng Thắng	2.410.121.005
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.294.520.945
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	690.508.339
Lãi vay cá nhân	873.826.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2013 VND
Phải trả tiền cổ tức	3.395.727.000
Cổ tức phải trả các cổ đông	1.073.951.082
Chi phí chờ quyết toán phải trả các đội thi công	3.465.477.447
Ông Đỗ Văn Long (DR)	2.512.412.366
Ông Bùi Ngọc Tuyên (DR)	911.879.442
Ông Lê Văn Cương - Đội gia cố mái - Trạm phân	918.464.445
Ông Nguyễn Văn Tiến - gia cố mái vai đập Đăk	782.586.789
Ông Trần Việt Anh - Công trình sở nội vụ Quảng Trị	1.431.624.184
Ông Trần Quang Huy - Kỹ thuật	174.841.102
Ông Nguyễn Công Soái - Đội hầm A Vương	134.457.367
Ông Đặng Hoàng Tuấn - Hầm ST2	143.282.062
Ông Đỗ Đăng Tú	154.641.486
Phải trả cán bộ công nhân viên	575.426.437
Thuế các đội	1.943.424.461
Thực hiện các dự án khoa học với Sở Khoa học Công nghệ	3.101.306.978
Khách hàng đặt cọc tiền làm khuôn	1.228.112.014
Tiền thuế thu nhập cá nhân	12.978.100
Tiền thu từ bán cổ phần lần đầu	31.629.666.000
Phải trả người lao động (dư có tài khoản 141)	78.827.304
Công ty Cổ phần Trường Sơn	89.938.000
Tiền cổ phần máy đào	81.078.235
Công ty Cổ phần Dầu khí Đất Việt	57.190.229
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	1.805.940.265
Phải trả vốn Nhà nước (*)	17.126.395.380
Các đối tượng khác	41.138.125.855
Cộng	218.262.024.759

(*): Đây là khoản lợi nhuận nhận từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh, khoản lợi nhuận này được chia từ lợi nhuận năm 2012 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long. Theo Nghị Quyết số 80NQ/TCT-HĐTV ngày 12/11/2013 của Hội đồng Thành viên về việc phân phối lợi nhuận của Liên doanh Khu công nghiệp Thăng Long năm 2012 và điều chỉnh lịch phân vốn Nhà nước sau cổ phần hóa về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh thì khoản này đang được ghi tăng vào quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, tại ngày 31/12/2013, Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh chưa tiến hành bàn giao số liệu sang Công ty Cổ phần và chưa hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần nên Văn phòng Tổng Công ty chưa xác định được khoản chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty. Do đó, khoản này được Văn phòng Tổng Công ty hạch toán phải trả khác - phần vốn Nhà nước.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.301.670.711
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	3.597.793.357
Hoàn nhập dự phòng	(1.591.547.919)
Tại ngày 31 tháng 12	7.307.916.149

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp là các khoản chi phí ước tính cho việc sửa chữa các công trình Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 thực hiện cho khách hàng.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MTV**

Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Licogi 12	23.385.017.325	23.385.017.325
Công ty Cổ phần Licogi 13	48.984.827.593	48.984.827.593
Công ty Cổ phần Licogi 16	126.050.124.843	126.050.124.843
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	22.684.675.273	22.684.675.273
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	37.423.817.501	37.423.817.501
Phải trả dài hạn khác	43.028.713.760	38.076.993.791
Cộng	301.557.176.295	296.605.456.326

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Vay dài hạn ngân hàng	56.688.832.178	1.296.237.210.238
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	22.713.950.500	16.214.351.500
Chi nhánh Hà Nội (1.1)	21.211.830.500	-
Chi nhánh Thanh Xuân (1.2)	-	12.660.487.500
Chi nhánh Quảng Ngãi (1.3)	1.357.120.000	1.960.288.000
Chi nhánh Đà Nẵng	85.000.000	1.253.576.000
Chi nhánh Thành Đô	60.000.000	340.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2)	17.011.708.132	44.111.638.132
Chi nhánh Gia Lâm	-	866.800.000
Sở Giao dịch (2.1)	12.798.634.882	38.401.764.882
Chi nhánh Tây Hà Nội (2.2)	685.720.000	685.720.000
Chi nhánh Tây Mỹ Đình (2.3)	2.280.405.250	2.495.405.250
Chi nhánh Đoàn Hùng (2.4)	1.200.000.000	1.500.000.000
Chi nhánh Tây Hồ	46.948.000	161.948.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (3)	2.680.000.000	-
Chi nhánh Đông Anh (3)	2.680.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (4)	7.925.278.808	5.511.798.000
Chi nhánh Chương Dương (4.1)	1.363.322.000	1.011.798.000
Chi nhánh Biên Hòa (4.2)	6.561.956.808	4.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (5)	6.357.894.738	9.536.842.106
Chi nhánh Long Biên (5)	6.357.894.738	9.536.842.106
Vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	1.220.862.580.500
- Vay dài hạn đối tượng khác	29.855.792.158	35.200.393.050
Vay cá nhân	7.164.342.958	-
Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (6)	7.164.342.958	-
Vay đối tượng khác (7)	22.691.449.200	35.200.393.050
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	1.643.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (7.1)	-	8.800.000.000
Vay dài hạn các đối tượng khác (7.2)	22.691.449.200	24.757.393.050
- Nợ dài hạn thuê tài chính	3.346.458.070	12.993.136.775
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (8.1)	3.296.201.110	12.599.322.454
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (8.2)	50.256.960	234.532.392
Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	-	159.281.929
- Nợ dài hạn khác	9.466.000.000	23.655.719.969
Nợ cá nhân (9)	9.466.000.000	17.135.000.000
Nợ dài hạn khác	-	6.520.719.969
Cộng	99.357.082.406	1.368.086.460.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(1) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- (1.1) *Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng* vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2013/HĐTD tháng 9/2013, nhằm phục vụ đầu tư thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phục vụ theo Quyết định số 14A/12/QĐ-HĐTV-ĐTTB ngày 22/04/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Hạn mức vay tối đa là 88.982.600.000 VND. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 29/01/2013. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ, được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng. Nợ gốc trả định kỳ 03 tháng/lần.
- (1.2) *Văn Phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng* vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 222/2009/0000605 ngày 24/9/2009 và Hợp đồng tín dụng số 00222/209/000456 ngày 29/01/2010 thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 4 tháng, lãi suất
- (1.3) *Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi* vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi để đầu tư 05 xe chở cát, phục vụ cho mở cát Sơn Thượng. Kỳ hạn vay là 06 năm kể từ ngày vay. Thanh toán lãi 24 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 tháng. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất theo từng kỳ.
- (2.1) *Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng* vay Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1200/HĐTD ngày 23/11/2011 thời hạn vay 48 tháng, nhằm bổ sung vốn đầu tư cho dự án đầu tư trạm trộn bê tông thương phẩm tại Mông Dương, Cẩm Phả, Quảng Ninh. Số tiền vay tối đa là 44.803.500.000 VND, số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần rút vốn theo giấy nhận nợ và theo dõi trên phụ lục hợp đồng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ điều chỉnh 5%/năm.
- (2.2) *Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 - Licogi 20* vay theo hợp đồng vay số 1481LAV2009 00 258 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng Licogi 20.
- (2.3) *Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20* vay theo Hợp đồng vay số 1410 - LAV - 20110000121 ngày 21/03/2011 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Mỹ Đình và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng Licogi 20 thống nhất số tiền vay là 4.329.297.000 VND nhằm mục đích thanh toán tiền mua 01 cần trục bánh xích 60T (đã qua sử dụng) sức nâng tối đa 60 tấn loại LIEBHERR HS 843 DT. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu tiên, lãi suất cho vay là 19.5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng với lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 5.5%, phương thức trả lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp bằng các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1410 - LCL 201100108 ngày 21/03/2011. Các tài sản thế chấp bao gồm: Máy móc thiết bị; Căn hộ tại địa chỉ số 94 Tô Vĩnh Diện, Phố Gia Phúc; phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; Tài sản gắn liền trên đất là trụ sở làm việc tại 61E La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng có trách nhiệm bảo lãnh đối với bên vay theo Giấy ủy quyền số 347/UQ-TGD ngày 19/07/2012 về việc ủy quyền vay vốn và bảo lãnh năm 2012. Theo đó Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng cam kết chịu trách nhiệm trả nợ thay khi bên vay không trả được nợ vay (gồm cả nợ gốc và lãi, các khoản phí phát sinh tại Ngân hàng).
- (2.4) *Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh* vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đoàn Hùng theo hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD với số tiền 1,5 tỷ VND, thời hạn vay 56 tháng, lãi suất vay 15%/năm.
- (3) *Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh* vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh. Mục đích vay đầu tư tài sản cố định. Lãi suất 12%/năm. Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 17/12/2013.
- (4.1) *Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh* vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương. Mục đích vay đầu tư tài sản cố định. Lãi suất 11%/năm. Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên ngày 18/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- (4.2) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 195/12/VCB.BH ngày 12 tháng 12 năm 2012. Hạn mức cho vay 4.500.000.000 VND. Mục đích vay thanh toán tiền mua mới phương tiện vận tải. Thời hạn vay 60 tháng (đến ngày 13/12/2017). Lãi suất vay được áp dụng theo lãi suất cho vay dài hạn bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng công bố tại thời điểm Công ty nhận nợ đầu tiên và sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức bảo đảm tiền vay bao gồm 08 xe tải Ben HOWO biển số 60C-047.90, 60C-047.91, 60C-047.92, 60C-077.78, 60C-075.28, 60C-075.77, 60C-075.29, 60C-075.50.
- (5) Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Long Biên. Mục đích cho vay đầu tư tài sản cố định. Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản. Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2013: 6.357.894.738 VND. Gốc vay đến hạn trả 2014: 3.178.947.368 VND.
- (6) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 vay vốn cán bộ công nhân viên của Công ty theo hợp đồng vay vốn số 307B/HĐVV ngày 23/03/2011 giữa cán bộ công nhân viên và Công ty với số tiền 7.164.342.958 VND; thời hạn vay 36 tháng tính đến ngày 23 tháng 3 năm 2014 theo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- (7) Vay đối tượng khác
- (7.1) Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng vay dài hạn Tổng Công ty Tài chính Dầu khí theo Hợp đồng vay số 61/2009/TDĐT-TT ngày 26/11/2009 số tiền vay 22.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay mua máy khoan nhồi Bauer BG_25, hỗ trợ lãi suất 4% trong 2 năm từ ngày 31/12/2009 đến ngày 31/12/2011, lãi suất cho vay theo thông báo của Tổng Công ty Tài chính dầu khí Việt Nam.
- (7.2) Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 vay các cá nhân theo các hợp đồng vay dài hạn nhằm bổ sung vốn cho Dự án Thịnh Liệt. Mức lãi suất vay trong năm tính theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long tại thời điểm ngày đầu tiên của năm, lãi suất năm 2013 là 11,5%/năm.
- (8.1) Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam bao gồm các hợp đồng thuê
- Thuê tài chính 5 xe ô tô theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 35.09.10 ngày 31/12/2009 giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, thời gian thuê 60 tháng, Lãi suất được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản do Công ty cho thuê tài chính công bố cộng biên độ thay đổi lãi suất 0,20%/tháng.
- Thuê tài chính 2 xe ô tô Ford theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21.11.10/CTTC ngày 20/10/2011 giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, thời gian thuê 48 tháng, lãi suất được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản do Công ty thuê tài chính công bố cộng biên độ thay đổi lãi suất 0,3%/tháng.
- Thuê tài chính cần cầu bánh xích NIPPON SHARYO theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 35.10.10/CTTC ngày 02/7/2010 giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, thời gian thuê 60 tháng, lãi suất được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản do Công ty thuê tài chính công bố cộng biên độ thay đổi lãi suất 0,25%/tháng.
- Thuê tài chính máy đào Hitachi loại tay thò thụt theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21.11.04/CTTC ngày 25/5/2011 giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, thời gian thuê 60 tháng, lãi suất được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản do Công ty thuê tài chính công bố cộng biên độ thay đổi lãi suất 0,25%/tháng.
- Thuê tài chính dây chuyền nghiền sàng đá công suất 150 tấn/giờ mới 100% sản xuất tại Trung Quốc theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 35.10.11/CTTC ngày 22/7/2010 giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, thời gian thuê 60 tháng; Lãi suất được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản cộng biên độ 0,25%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- (8.1) Thuê tài chính Máy khoan cọc nhồi – máy khoan đất Hitachi theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21.10.05/CTTC ngày 27/8/2010 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, thời gian thuê 60 tháng, lãi suất được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản do Công ty thuê tài chính công bố cộng biên độ thay đổi lãi suất 0,25%/tháng.
- (8.2) *Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20* thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 09-2783-03617 ngày 23/12/2009 giữa Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20. Theo hợp đồng, tài sản thuê là 01 xe Toyota Camry LE 2.5 mới 100% biển số BKS 30V - 1169 có tổng giá trị đầu tư tài sản là 1.148.730.000 VND (giá trị đã bao gồm 54.701.429 VND thuế VAT. Thời hạn thuê là 48 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi 1 tháng/lần. Căn cứ theo lịch thanh toán tiền thuê, lãi suất thuê từ ngày 01/01/2010 là 1.2667%/tháng.
- (9) *Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh* nợ cán bộ công nhân viên Công ty. Lãi suất 13,5%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu							
Tại ngày 01/01/2012	468.077.180.310	6.987.275.836	(8.444.626.053)	89.158.796.662	46.212.699.090	4.649.795.291	-	40.546.299.098	647.187.420.234
Tăng vốn trong năm	120.620.321.915	-	-	13.817.499.220	3.046.664.336	-	-	-	137.484.485.471
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(Giảm) khác	(95.530.560.607)	678.828.740	8.444.626.053	(40.961.188.271)	(3.403.984.489)	461.228.873	547.103.283	102.409.562.624	102.409.562.624
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(41.670.438.605)	(171.434.385.023)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	6.479.757.233	1.090.302.189	-	-	(13.370.700.000)	(13.370.700.000)
Tại ngày 31/12/2012	493.166.941.618	7.666.104.576	-	68.494.864.844	46.945.681.126	5.111.024.164	547.103.283	(12.980.894.754)	(5.410.835.332)
Tại ngày 01/01/2013	493.166.941.618	7.666.104.576	-	68.494.864.844	46.945.681.126	5.111.024.164	-	74.933.828.363	696.865.547.974
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Bổ sung vốn kinh doanh	5.090.831.510	-	-	(5.090.831.510)	-	-	-	74.933.828.363	696.865.547.974
Chuyển theo	-	-	-	21.259.419.504	(21.259.419.504)	-	-	72.900.611.966	72.900.611.966
TT220/2013/TT-BTC	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(Giảm) khác	-	77.804.262	-	(3.377.938.804)	-	-	-	(35.237.313.657)	(38.537.448.199)
Giảm vốn (Công ty TNHH MTV Đông Anh)	(507.976.744)	-	-	-	-	-	-	-	(507.976.744)
Phân phối lợi nhuận	8.767.492.612	-	-	14.402.842.398	3.580.078.964	-	436.293.875	(60.496.673.818)	(33.309.965.969)
Tại ngày 31/12/2013	506.517.288.996	7.743.908.838	-	95.688.356.432	29.266.340.586	5.111.024.164	983.397.158	52.100.452.854	697.410.769.028

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- CÔNG TY TNHH MTV**

Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

27. DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.846.105.536.365	4.319.641.145.625
Doanh thu bán hàng hóa	1.566.508.004.007	1.510.152.393.204
Doanh thu bán thành phẩm	52.966.241.806	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.143.545.193	79.970.863.491
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.930.675.746.253	2.653.631.969.121
Doanh thu khác	83.811.999.106	75.885.919.809
Các khoản giảm trừ	1.118.704.114	1.696.627.480
Chiết khấu thương mại	-	122.143.625
Giảm giá hàng bán	337.130.000	-
Hàng bán bị trả lại	781.574.114	1.574.483.855
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>3.844.986.832.251</u>	<u>4.317.944.518.145</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.417.955.253.831	1.344.957.695.780
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15.293.022.835	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	195.730.989.934	64.964.254.875
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.854.508.867.808	2.504.560.364.685
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	67.352.325.821	52.311.335.537
Cộng	<u>3.550.840.460.229</u>	<u>3.966.793.650.877</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.106.935.845	19.939.388.250
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.676.373.000	54.661.568.287
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237.306.104	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.904.403	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.295.582	2.203.217.868
Cộng	<u>74.071.814.934</u>	<u>76.804.174.405</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	99.044.159.462	158.833.528.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	691.604.432	312.542.481
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.997.452	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	481.101.796	589.014.600
Chi phí tài chính khác	138.897.286	2.821.845.043
Cộng	<u>100.364.760.428</u>	<u>162.556.930.204</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.956.326.365	11.942.030.886
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	2.050.651.609
Hoàn nhập dự phòng công trình	382.444.127	64.441.242
Thu từ tiền cho thuê	191.286.894	342.286.310
Lãi do chậm thanh toán	6.350.978.644	-
Thu từ các khoản phải trả đã xử lý	423.158.119	313.249.683
Thu nhập khác	1.794.354.274	7.799.965.882
Thu nhập khác	11.098.548.423	22.512.625.612
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	68.633.983	11.408.825.034
Các khoản phạt	8.875.830.681	4.338.230.677
Tổn thất do bảo lữ	1.008.459.437	-
Nhượng bán thép	-	1.243.832.597
Lãi chậm nộp Bảo hiểm	49.326.449	124.990.920
Chi phí khác	2.273.628.066	14.523.908.720
Chi phí khác	12.275.878.616	31.639.787.948
Lợi nhuận khác	(1.177.330.193)	(9.127.162.336)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty mẹ	3.253.989.323	9.391.801.415
Công ty con	11.236.136.365	12.805.068.218
Cộng	14.490.125.688	22.196.869.633

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(368.742.175)	18.209.882
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(368.742.175)	18.209.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	849.533.725.844
Chi phí nhân công	262.091.564.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.874.361.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.355.070.978.626
Chi phí khác bằng tiền	159.162.274.070
Cộng (*)	2.719.732.904.039

(*) Không bao gồm số liệu của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh và Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi do trên báo cáo tài chính được kiểm toán của các Công ty con này không trình bày số liệu thuyết minh.

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	Công ty liên kết	11.190.297.654	23.440.569.379
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	7.815.267.744	15.132.552.571
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Công ty liên doanh	-	815.087.910

Số dư với các bên liên quan:

		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu của khách hàng			
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.873.792.912	3.873.792.912
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà(*)	Công ty liên kết	32.761.662.048	35.249.384.773
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	21.493.106	21.493.106
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.873.792.912	3.873.792.912
Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	320.271.219	320.271.219
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	-	4.937.712.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà(*)	Công ty liên kết	-	36.298.607.373
Phải trả cho người bán			
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.782.413.915	1.782.413.915
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	1.697.394.796	4.663.866.484
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà(*)	Công ty liên kết	18.688.206	18.688.206
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác			
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	510.137.526	510.137.526
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	690.508.339	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.21

	Giá trị ghi sổ 31/12/2013 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.805.044.173	168.699.654.558
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	6.039.000.000
Phải thu khách hàng	1.216.965.641.260	1.378.510.219.047
Các khoản phải thu khác	208.062.243.717	189.525.172.766
Cộng	1.692.832.929.150	1.742.774.046.371
Nợ tài chính		
Vay và nợ	1.336.029.226.573	2.612.461.806.988
Phải trả người bán	855.821.219.043	1.043.763.721.459
Các khoản phải trả khác	519.819.201.054	457.808.392.154
Cộng	2.711.669.646.670	4.114.033.920.601

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tổng Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tổng Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện. Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường

- Rủi ro lãi suất

Trong năm 2013, lãi suất của các khoản vay của Tổng Công ty là tương đối ổn định. Tổng Công ty đã thực hiện được việc gia hạn và đáo hạn nợ đến hạn trả. Do đó, rủi ro lãi suất đối với Tổng công ty là không cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Tổng Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Tổng Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm tốt.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tổng Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tín dụng đối với những khoản phải thu khó đòi nhưng chưa được lập dự phòng

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá
có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của Tổng Công ty. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Tổng công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

Năm 2013

VND

Quá hạn trên 1 năm

15.920.629.072

Cộng

15.920.629.072

Giá trị trên là giá trị khoản phải thu quá hạn tại Công ty mẹ, không bao gồm giá trị các khoản phải thu quá hạn tại các Công ty con do thuyết minh báo cáo tài chính của các Công ty con không thể hiện

Ngoài các khoản nêu trên, Tổng Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2013		
Vay và nợ	1.236.672.144.167	99.357.082.406
Phải trả người bán	855.821.219.043	-
Các khoản phải trả khác	218.262.024.759	301.557.176.295
Cộng	2.310.755.387.969	400.914.258.701
Tại 01/01/2013		
Vay và nợ	1.244.375.346.956	1.368.086.460.032
Phải trả người bán	1.043.763.721.459	-
Các khoản phải trả khác	161.202.935.828	296.605.456.326
Cộng	2.449.342.004.243	1.664.691.916.358

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

37. SƠ LIỆU SO SÁNH

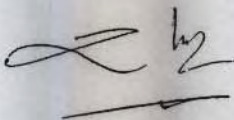
Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APEC số 112-2013/BCKT-TC-APEC, được điều chỉnh theo Báo cáo Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 ngày 15/10/2013 của Kiểm toán Nhà Nước và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2014

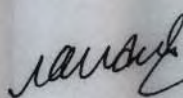
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Nội



Phan Lan Anh

